Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8608.00.90

Mã HS	8608.00.90
Mô tả hàng hóa	Bộ phận cố định và ghép nối của đường ray đường sắt hoặc tàu điện; các thiết bị phát tín hiệu, an toàn hoặc điều khiển giao thông bằng cơ khí (kể cả cơ điện) dùng cho đường sắt, đường tàu điện, đường bộ, đường thủy nội địa, điểm dừng đỗ, cảng hoặc sân bay; các bộ phận của các loại trên / - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 16:57:03
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/86080090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16253
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16253
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16253
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15569
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15498
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15498
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15498
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15498
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15498
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15498
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15554
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15554
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15554
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15554

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15554
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15554
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15555
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15555
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15555
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15555
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15555
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15555
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15556
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15504
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15512
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15512
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15512
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15512
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15512
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15512
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15552
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15552
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15552
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15552
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15552
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15552
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15614
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15614
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15614
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15614

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15614
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15614
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15588
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15588
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15588
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15588
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15588
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15588
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15591
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15591
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15591
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15591
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15591
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15591
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15597
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15597
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15597
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15597
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15597
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15597
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15596
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15596
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15596
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15596
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15596
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15596

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15585
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15585
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15585
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15585
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15585
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15585
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15585
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15579
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15579
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15579
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15579
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15579
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15579
RCEP B	2022	2022	0	B!D15579
RCEP B	2023	2023	0	B!E15579
RCEP B	2024	2024	0	B!F15579
RCEP B	2025	2025	0	B!G15579
RCEP B	2026	2026	0	B!H15579
RCEP B	2027	2027	0	B!I15579
RCEP C	2022	2022	0	C!D15579
RCEP C	2023	2023	0	C!E15579
RCEP C	2024	2024	0	C!F15579
RCEP C	2025	2025	0	C!G15579
RCEP C	2026	2026	0	C!H15579
RCEP C	2027	2027	0	C!I15579
RCEP D	2022	2022	0	D!D15578

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15578
RCEP D	2024	2024	0	D!F15578
RCEP D	2025	2025	0	D!G15578
RCEP D	2026	2026	0	D!H15578
RCEP D	2027	2027	0	D!I15578
RCEP E	2022	2022	0	E!D15582
RCEP E	2023	2023	0	E!E15582
RCEP E	2024	2024	0	E!F15582
RCEP E	2025	2025	0	E!G15582
RCEP E	2026	2026	0	E!H15582
RCEP E	2027	2027	0	E!I15582
RCEP F	2022	2022	0	F!D15579
RCEP F	2023	2023	0	F!E15579
RCEP F	2024	2024	0	F!F15579
RCEP F	2025	2025	0	F!G15579
RCEP F	2026	2026	0	F!H15579
RCEP F	2027	2027	0	F!I15579
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14531
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14531
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14531
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14531

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8608.00 có 2 dòng thuế; dòng 8608.00.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8608.00.20 Thiết bị cơ điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8608.00.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8608.00.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16253), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.